

Bản án số: **203/2025/DS-ST**

Ngày: 29 – 9 - 2025

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chu

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Văn T**, sinh ngày 20/6/1975 (Có mặt)

Căn cước công dân số 083075012384, cấp ngày 09/8/2021.

Nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã L, tỉnh V).

- Bị đơn: **Võ Thị Y**, sinh ngày 28/02/1977 (Có mặt)

Căn cước công dân số 083177006884, cấp ngày 03/7/2021.

Nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã L, tỉnh V).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Nhật L, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, tỉnh A.

Nơi thường trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã L, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông là hụi viên có trực tiếp tham gia chơi trong 03 dây hụi, hụi tháng khai 01 lần do bà Võ Thị Y làm chủ hụi. Việc chơi hụi, đóng tiền hụi sống, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản ký xác nhận. Hình thức chơi hụi là ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. 03 dây hụi ông tham gia chơi chưa hốt hụi (Chỉ đóng hụi sống) thì bà Y tuyên bố bế hụi năm 2024 đến nay chưa có trả tiền hụi cho ông. 03 dây hụi ông tham gia chơi cụ thể như sau:

+ **Dây hội thứ 1:** Khai vào ngày 30/02/2023 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hội có 22 phần, ông tham gia chơi 03 phần. Dây hội này ông đóng được 18 phần hội sống thì bà Y tuyên bố bế hội. Dây hội này bà Y nợ ông tiền hội sống chưa trả số tiền là 54.000.000 đồng (18 phần x 03 phần x 1.000.000 đồng).

+ **Dây hội thứ 2:** Khai vào ngày 05/6/2023 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hội có 22 phần, ông tham gia chơi 05 phần. Dây hội này ông đã hót được 01 phần số tiền 17.200.000 đồng, còn 04 phần chưa hót, đóng được 14 phần hội sống thì bà Y tuyên bố bế hội. Dây hội này bà Y nợ ông tiền hội sống chưa trả số tiền là 52.800.000 đồng.

+ **Dây hội thứ 3:** Khai vào ngày 25/10/2023 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hội có 22 phần, ông tham gia chơi 02 phần. Dây hội này ông đóng được 10 phần hội sống thì bà Y tuyên bố bế hội. Dây hội này bà Y nợ ông tiền hội sống chưa trả số tiền là 20.000.000 đồng (10 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng).

Tổng cộng 03 dây hội nêu trên bà Y nợ ông chưa trả số tiền là 126.800.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Y trả ông số tiền hội này nhưng bà Y không trả.

Ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải liên đới trả cho ông số tiền nợ góp hội của 03 dây hội nêu trên là 126.800.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Võ Văn Trục khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải liên đới trả cho ông số tiền nợ góp hội của 03 dây hội nêu trên là 114.100.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Võ Thị Y trình bày:

Bà thừa nhận ông Võ Văn T là hội viên, có tham gia chơi hội trong 03 dây hội mà ông T trình bày là hoàn toàn đúng do bà làm chủ hội. Bà hoàn toàn thừa nhận hiện nay bà còn nợ ông T tiền góp hội của 03 dây hội nêu trên chưa trả số tiền là 114.100.000 đồng. Bà làm chủ hội có hưởng hoa hồng, lấy tiền để phục vụ sinh hoạt trong gia đình, chồng bà là ông Nguyễn Nhật L không biết việc bà làm chủ hội, không liên quan đến việc tiền nợ hội này, hiện nay bà và ông L đã ly hôn. Bà đồng ý và chấp nhận trả số tiền nợ hội 114.100.000 đồng cho ông T.

* Tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2025, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Y trình bày:

Ông L không đồng ý trả tiền nợ góp hội cho ông T vì đây là nợ riêng của bà Y, không liên quan đến ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nhật L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhận ngày 22/9/2025. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Y phải trả số tiền nợ góp hui 114.100.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà Võ Thị Y đã hoàn toàn thừa nhận, bà Y là chủ hui, ông T là hui viên tham gia chơi trong 03 dây hui nêu trên và hoàn toàn thừa nhận hiện nay còn nợ ông T số tiền hui chưa trả là 114.100.000 đồng. Bà Y đồng ý và chấp nhận trả số tiền nợ hui này cho ông T nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn ông T không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền nợ hui này đến nay bà Y chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên nên nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Ông Võ Văn T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hui nêu trên. Đây là sự tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[1.3] Số tiền nợ hui 114.100.000 đồng, ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật L phải cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 132/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long), thì bà Y và ông L đã ly hôn. Tuy nhiên, số tiền nợ hui nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Y và ông L, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 26/4/2000, có với nhau 01 người con chung. Bà Y khai mục đích làm chủ hui là để hưởng hoa hồng phục vụ sinh hoạt trong gia đình, bà Y làm chủ hui đã nhiều năm và mở rất nhiều dây hui. Ông L cho rằng không biết và đây là nợ riêng của bà Y nhưng ông không có chứng cứ chứng minh, chỉ nói miệng nên không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của bà Y và ông L lúc còn chung sống. Ông T khởi kiện yêu cầu bà Y và ông L cùng liên đới trả số tiền nợ góp hui 114.100.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong đó: phần bà Y có nghĩa vụ phải trả là 57.050.000 đồng, phần ông L có nghĩa vụ phải trả là 57.050.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Y và ông L phải chịu án phí. Cụ thể như sau:

- Bà Y phải chịu 57.050.000 đồng x 5% = 2.852.500 đồng.
- Ông L phải chịu 57.050.000 đồng x 5% = 2.852.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 92; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng
r;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của
 phủ quy định về họ, họ, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 19/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T đối với bà Y và ông Nguyễn Nhật L.

2. Buộc bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải có nghĩa vụ liên đới trả ng Võ Văn T số tiền 114.100.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu một trăm đồng).

Trong đó:

- Phần bà Võ Thị Y có nghĩa vụ phải trả là 57.050.000 đồng (Năm mươi bảy không trăm năm chục nghìn đồng).

- Phần ông Nguyễn Nhật L có nghĩa vụ phải trả là 57.050.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm năm chục nghìn đồng).

3. Ghi nhận ông Võ Văn T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu nhả án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L mỗi người phải chịu số tiền án phí là 500 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho ông Võ Văn T 3.170.000 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 000108029/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền khiếu nại thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản
ng thời hạn 15 (Muội lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền
ghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
(Phòng KTNV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương